

TỪ NGUỒN LỰC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ: MÔ HÌNH LÝ THUYẾT VỀ LOGISTICS NGƯỢC TRONG DOANH NGHIỆP HÀNG TIÊU DÙNG VIỆT NAM

● ĐOÀN NGỌC BẢO TRÂM¹ - HỒ THỊ THU HÒA²

¹Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Bài viết đề xuất một mô hình lý thuyết tích hợp nhằm lý giải mối quan hệ giữa các yếu tố thể chế, nguồn lực, công nghệ và kết quả kinh tế thông qua vai trò trung gian của logistics ngược trong doanh nghiệp hàng tiêu dùng. Dựa trên 3 khung lý thuyết chính gồm lý thuyết thể chế, lý thuyết nguồn lực và lý thuyết phát triển bền vững, nghiên cứu phát triển một khung phân tích toàn diện phản ánh sự chuyển hóa từ áp lực bên ngoài, năng lực nội tại đến hiệu quả kinh tế thông qua việc triển khai logistics ngược. Mô hình được đề xuất như nền tảng cho các nghiên cứu thực nghiệm tương lai, đồng thời mang lại các hàm ý quan trọng cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc xây dựng chiến lược logistics bền vững, nâng cao hiệu quả kinh tế và tuân thủ các quy định môi trường.

Từ khóa: logistics ngược, lý thuyết thể chế, lý thuyết nguồn lực, năng lực công nghệ, hiệu quả kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và cạn kiệt tài nguyên đã trở thành tâm điểm trong chiến lược tăng trưởng của các nền kinh tế trên toàn cầu. Trước áp lực ngày càng lớn từ chính phủ, người tiêu dùng và các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp buộc phải tìm kiếm các mô hình vận hành mới nhằm giảm thiểu tác động môi trường mà vẫn duy trì hiệu quả kinh tế. Trong bối cảnh đó, logistics

ngược - tức quá trình thu hồi, tái sử dụng, tái chế và xử lý sản phẩm sau tiêu dùng - đã trở thành một công cụ chiến lược quan trọng để doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững (Govindan et al., 2015; Richey et al., 2005).

Trên phạm vi quốc tế, logistics ngược không còn được xem chỉ là một phần phụ của chuỗi cung ứng mà đã trở thành năng lực cạnh tranh cốt lõi, giúp doanh nghiệp đạt được cả 3 mục tiêu: hiệu quả chi phí, tuân thủ môi trường và tăng cường hình ảnh

thương hiệu. Nhiều tập đoàn đa quốc gia như Unilever, Procter & Gamble, hoặc Nestlé đã đầu tư mạnh vào hệ thống logistics ngược toàn cầu để quản lý dòng vật liệu sau tiêu dùng, đồng thời tận dụng cơ hội kinh doanh mới từ tái chế và tái sản xuất (Jack et al., 2010). Theo báo cáo của OECD (2021), việc triển khai logistics ngược hiệu quả có thể giúp doanh nghiệp giảm đến 30% chi phí quản lý chất thải và tiết kiệm 20 - 25% chi phí nguyên liệu nhờ tái sử dụng vật liệu.

Tuy nhiên, tại các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam, logistics ngược vẫn là một khái niệm tương đối mới và thường chỉ được thực hiện nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp lý, chứ chưa được coi là công cụ chiến lược mang lại giá trị kinh tế. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2020), Việt Nam thải ra khoảng 1,8 triệu tấn rác thải nhựa mỗi năm, trong đó phần lớn đến từ sản phẩm tiêu dùng nhanh. Tỷ lệ thu hồi bao bì, nhựa và sản phẩm sau tiêu dùng vẫn dưới 15%, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 40 - 50% của các quốc gia phát triển. Trong khi đó, chỉ riêng TP. Hồ Chí Minh mỗi ngày phát sinh hơn 9.500 tấn chất thải rắn sinh hoạt và các doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng tiêu dùng chưa có hệ thống logistics ngược đủ mạnh để thu hồi, tái chế, cũng như tái sử dụng hiệu quả.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến doanh nghiệp khó triển khai logistics ngược quy mô lớn do thiếu nguồn lực và năng lực công nghệ. Hơn nữa, khung thể chế mặc dù ngày càng hoàn thiện - đặc biệt với Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất nhưng việc thực thi vẫn gặp nhiều trở ngại, do chi phí đầu tư cao và thiếu cơ chế khuyến khích cụ thể. Trong khi các quốc gia tiên tiến đã xây dựng chuỗi cung ứng khép kín dựa trên công nghệ số hóa, ở Việt Nam, logistics ngược chủ yếu dừng ở mức xử lý thủ công hoặc phân tán, dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp và khó mở rộng quy mô.

Từ góc độ học thuật, các nghiên cứu trước đây về logistics ngược chủ yếu tập trung vào 2 hướng:

(i) phân tích yếu tố kỹ thuật, mô hình tối ưu vận hành chuỗi logistics ngược; hoặc (ii) đánh giá nhận thức và hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm tái chế. Tuy nhiên, ít công trình nghiên cứu tập trung vào các yếu tố tổ chức và thể chế ảnh hưởng đến việc triển khai logistics ngược, đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế đang phát triển. Ngoài ra, mối quan hệ giữa nguồn lực nội tại, năng lực công nghệ và áp lực thể chế chưa được tích hợp trong cùng một khung lý thuyết để lý giải cơ chế hình thành hiệu quả kinh tế thông qua logistics ngược. Điều này tạo ra một khoảng trống nghiên cứu đáng kể, khi hầu hết các nghiên cứu hiện nay mới dừng ở cấp độ mô tả, chưa chỉ ra rõ “logistics ngược được vận hành như thế nào để tạo ra giá trị kinh tế thực sự”.

Theo lý thuyết thể chế, hành vi doanh nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các quy định pháp lý, chuẩn mực xã hội và kỳ vọng đạo đức (DiMaggio & Powell, 1983). Lý thuyết nguồn lực của Barney (1991) nhấn mạnh lợi thế cạnh tranh xuất phát từ những nguồn lực nội tại có giá trị, hiếm có và khó sao chép. Trong khi đó, lý thuyết phát triển bền vững nhấn mạnh sự cân bằng giữa 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường (United Nations, 2020). Việc tích hợp 3 khung lý thuyết này cho phép phân tích sâu hơn cơ chế mà qua đó các yếu tố ngoại sinh (thể chế) và nội sinh (nguồn lực và công nghệ) cùng tác động đến logistics ngược, thông qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

Từ những cơ sở đó, bài viết đặt ra 3 mục tiêu chính: *Thứ nhất*, xây dựng một mô hình lý thuyết tích hợp nhằm mô tả cơ chế tác động giữa áp lực thể chế, nguồn lực và năng lực công nghệ đến logistics ngược và hiệu quả kinh tế; *Thứ hai*, xác định vai trò trung gian của logistics ngược trong việc chuyển hóa các yếu tố bên ngoài và bên trong thành giá trị kinh tế bền vững; *Thứ ba*, đề xuất các hướng kiểm định thực nghiệm và ứng dụng chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam phát triển logistics ngược hiệu quả hơn.

Đóng góp chính của nghiên cứu nằm ở việc đề xuất một khung lý thuyết tích hợp 3 chiều, kết hợp

lý thuyết thể chế, lý thuyết nguồn lực và lý thuyết phát triển bền vững, điều chưa từng được thực hiện trong các nghiên cứu về logistics ngược tại Việt Nam. Mô hình này không chỉ mở rộng lý luận về vai trò chiến lược của logistics ngược, mà còn cung cấp khung phân tích cho các nghiên cứu thực nghiệm và hoạch định chính sách trong tương lai.

Phần còn lại của bài viết được cấu trúc như sau: Mục 2 trình bày cơ sở lý thuyết tích hợp và các khái niệm liên quan; Mục 3 phát triển mô hình lý thuyết, giải thích cơ chế tác động và các giả thuyết nghiên cứu; Mục 4 trình bày bảng giả thuyết và hàm ý kiểm định; Mục 5 thảo luận các hàm ý học thuật và thực tiễn; và Mục 6 kết luận, đồng thời gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo.

2. Cơ sở lý thuyết tích hợp

2.1. Lý thuyết thể chế

Theo DiMaggio và Powell (1983), các tổ chức chịu ảnh hưởng của 3 loại áp lực thể chế: cưỡng chế, mô phỏng và chuẩn mực. Trong logistics ngược, các áp lực này có thể xuất phát từ quy định pháp lý, từ hành vi mô phỏng các doanh nghiệp tiên phong, hoặc từ yêu cầu của xã hội về trách nhiệm môi trường. Ở Việt Nam, việc thực thi chính sách trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đã tạo ra động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp tái cấu trúc chuỗi cung ứng và thiết lập hệ thống logistics ngược, nhằm tuân thủ pháp luật và giảm thiểu tác động môi trường.

2.2. Lý thuyết nguồn lực

Lý thuyết nguồn lực (Barney, 1991) cho thấy, lợi thế cạnh tranh bền vững bắt nguồn từ những nguồn lực có giá trị, hiếm, khó bắt chước và khó thay thế. Cam kết nguồn lực phản ánh mức độ đầu tư tài chính, nhân lực và quản trị mà doanh nghiệp dành cho logistics ngược. Nguồn lực mạnh mẽ giúp doanh nghiệp chuyển hóa áp lực thể chế thành năng lực vận hành hiệu quả và ổn định (Srivastava & Srivastava, 2006).

2.3. Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ là khả năng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động logistics ngược như RFID, IoT, Big Data và phân tích dự báo.

Theo Govindan et al. (2015), các công nghệ này giúp tăng khả năng truy xuất nguồn gốc, giảm tổn thất và tối ưu hóa dòng vật chất. Công nghệ trở thành yếu tố thúc đẩy logistics ngược từ một hoạt động thụ động sang một năng lực chiến lược tạo giá trị.

2.4. Lý thuyết Phát triển bền vững

Lý thuyết phát triển bền vững (UN, 2020) nhấn mạnh sự cân bằng giữa 3 trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Logistics ngược đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp vừa đạt hiệu quả kinh tế, vừa tuân thủ các chuẩn mực môi trường và xã hội. Đây chính là cầu nối giữa “hiệu quả vận hành” và “hiệu quả bền vững”.

3. Mô hình lý thuyết

3.1. Cơ sở hình thành mô hình nghiên cứu

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ chịu áp lực cạnh tranh về giá, chất lượng và tốc độ cung ứng, mà còn phải đối mặt với yêu cầu ngày càng khắt khe về trách nhiệm môi trường và phát triển bền vững. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế đã tạo ra những tiêu chuẩn mới trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, buộc doanh nghiệp phải thích ứng thông qua việc cải thiện năng lực quản trị và đổi mới công nghệ. Trong đó, logistics ngược được xem là một trong những giải pháp chiến lược giúp doanh nghiệp vừa tuân thủ quy định pháp luật, vừa gia tăng hiệu quả kinh tế thông qua việc thu hồi, tái chế và tái sử dụng sản phẩm sau tiêu dùng.

Tuy nhiên, việc triển khai logistics ngược tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều rào cản, chủ yếu do hạn chế về nguồn lực, công nghệ và nhận thức chiến lược. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu xem logistics ngược dưới góc độ kỹ thuật hoặc môi trường, mà chưa làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố nội tại của doanh nghiệp (nguồn lực, công nghệ) và yếu tố bên ngoài (môi trường thể chế) đối với hiệu quả kinh tế. Vì vậy, bài viết này đề xuất một mô hình lý thuyết tích hợp nhằm giải thích cơ chế tác động của các yếu tố nêu trên đến hiệu quả kinh tế thông qua vai trò trung gian của logistics ngược.

Cơ sở lý luận của mô hình được hình thành dựa trên sự kết hợp giữa 3 nền tảng: lý thuyết thể chế,

lý thuyết nguồn lực và lý thuyết phát triển bền vững. Lý thuyết thể chế nhấn mạnh tác động của các quy định, chuẩn mực và kỳ vọng xã hội đối với hành vi của tổ chức; lý thuyết nguồn lực khẳng định lợi thế cạnh tranh bắt nguồn từ các nguồn lực có giá trị và khó bắt chước; trong khi lý thuyết phát triển bền vững đề cao sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường. Trong 3 khung lý thuyết này, khi được tích hợp, cho phép lý giải một cách toàn diện hơn cách doanh nghiệp chuyển hóa các áp lực bên ngoài và năng lực nội tại thành kết quả kinh tế thông qua logistics ngược.

3.2. Tác động của yếu tố thể chế đối với logistics ngược

Yếu tố thể chế phản ánh mức độ mà doanh nghiệp chịu ảnh hưởng từ hệ thống quy định, chính sách và chuẩn mực xã hội. Theo quan điểm của trường phái thể chế, hành vi của doanh nghiệp không chỉ được quyết định bởi mục tiêu kinh tế mà còn chịu chi phối bởi các quy tắc chính thức và phi chính thức trong môi trường kinh doanh. Do đó, doanh nghiệp thường có xu hướng điều chỉnh hoạt động của mình để phù hợp với các yêu cầu pháp lý và kỳ vọng xã hội, từ đó đảm bảo tính hợp pháp và tính chính danh trong hoạt động.

Trong lĩnh vực logistics ngược, áp lực thể chế thể hiện ở 3 khía cạnh chính: (i) quy định của nhà nước về thu hồi, tái chế và xử lý sản phẩm thải bỏ; (ii) áp lực từ khách hàng, cộng đồng và các tổ chức xã hội về trách nhiệm môi trường; và (iii) xu hướng cạnh tranh trong ngành, khi các doanh nghiệp tiên phong triển khai logistics ngược tạo ra tiêu chuẩn mới buộc các doanh nghiệp khác phải làm theo. Những áp lực này thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư và tổ chức lại chuỗi cung ứng theo hướng tuần hoàn, đồng thời khuyến khích việc xây dựng các mô hình logistics ngược hiệu quả hơn.

Tại Việt Nam, việc thực hiện cơ chế “trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất” đã trở thành yêu cầu bắt buộc trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Điều này buộc doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trong toàn bộ vòng đời sản phẩm - từ thiết kế, sản

xuất, tiêu thụ đến thu hồi và xử lý sau tiêu dùng. Như vậy, yếu tố thể chế đóng vai trò “động lực ban đầu” buộc doanh nghiệp phải hình thành hệ thống logistics ngược, không chỉ để tuân thủ pháp luật, mà còn để duy trì uy tín và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Từ đó khẳng định yếu tố thể chế là nguồn áp lực kích thích hành động, góp phần định hướng chiến lược và cấu trúc của hệ thống logistics ngược trong doanh nghiệp.

3.3. Vai trò của nguồn lực trong việc triển khai logistics ngược

Bên cạnh yếu tố thể chế, nguồn lực nội tại là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có thể triển khai và vận hành logistics ngược một cách hiệu quả. Theo quan điểm của lý thuyết nguồn lực, doanh nghiệp có khả năng đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững nếu sở hữu các nguồn lực có giá trị, hiếm, khó sao chép và khó thay thế. Trong hoạt động logistics ngược, các nguồn lực này bao gồm:

- *Nguồn lực tài chính*: khả năng đầu tư vào cơ sở hạ tầng logistics, kho bãi, phương tiện vận chuyển và công nghệ tái chế;

- *Nguồn lực con người*: đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý chuỗi cung ứng;

- *Nguồn lực quản trị*: cơ cấu tổ chức linh hoạt, cơ chế phối hợp giữa các bộ phận và khả năng ra quyết định nhanh;

- *Nguồn lực tri thức*: khả năng tích lũy và chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi từ các mô hình thành công trong và ngoài nước.

Khi các nguồn lực này được cam kết và phân bổ hợp lý, doanh nghiệp sẽ có khả năng thiết lập quy trình logistics ngược ổn định, giảm chi phí và gia tăng giá trị kinh tế. Ngược lại, nếu thiếu nguồn lực, logistics ngược chỉ mang tính hình thức và khó tạo ra hiệu quả thực chất.

Trong điều kiện Việt Nam, nơi phần lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ còn hạn chế về vốn, nhân lực và công nghệ, việc cam kết nguồn lực cho logistics ngược thể hiện tầm nhìn chiến lược của nhà quản trị. Sự cam kết này không chỉ giúp doanh nghiệp

đáp ứng yêu cầu của Nhà nước, mà còn là cơ sở để chuyển đổi sang mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3.4. Vai trò của công nghệ trong nâng cao hiệu quả logistics ngược

Nếu yếu tố thể chế tạo động lực và nguồn lực cung cấp nền tảng, thì công nghệ chính là yếu tố xúc tác giúp logistics ngược vận hành hiệu quả và tạo ra giá trị kinh tế. Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại như hệ thống quản lý kho, mã nhận dạng tự động, dữ liệu lớn hay trí tuệ nhân tạo giúp doanh nghiệp theo dõi, kiểm soát và tối ưu hóa quá trình thu hồi, tái sử dụng và tái chế sản phẩm.

Công nghệ cho phép doanh nghiệp nắm bắt thông tin nhanh chóng, dự đoán chính xác lượng hàng thu hồi, giảm thiểu lãng phí và nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đặc biệt, các nền tảng quản lý dữ liệu trực tuyến giúp doanh nghiệp kết nối với đối tác trong chuỗi cung ứng, từ đó nâng cao hiệu quả phối hợp và giảm chi phí vận hành. Khi năng lực công nghệ được phát triển, logistics ngược không còn là hoạt động bị động nhằm tuân thủ quy định, mà trở thành một năng lực chiến lược mang lại lợi thế cạnh tranh dài hạn.

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, năng lực công nghệ đóng vai trò then chốt để doanh nghiệp tiến tới mô hình “chuỗi cung ứng tuần hoàn”, nơi vật liệu, linh kiện và sản phẩm được quay vòng nhiều lần trong chuỗi giá trị. Điều này phù hợp với định hướng kinh tế tuần hoàn mà Chính phủ Việt Nam đang thúc đẩy trong Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.

3.5. Logistics ngược - cầu nối giữa thể chế, nguồn lực, công nghệ và hiệu quả kinh tế

Từ sự kết hợp của 3 nhóm yếu tố trên, logistics ngược nổi lên như một cơ chế trung gian chuyển hóa các áp lực và năng lực của doanh nghiệp thành hiệu quả kinh tế. Cụ thể, logistics ngược giúp doanh nghiệp đạt được 3 cấp độ giá trị:

+ *Giá trị tuân thủ*: đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thu hồi, tái chế, xử lý sản phẩm theo quy định của pháp luật, tránh rủi ro pháp lý và duy trì hình ảnh uy tín trước khách hàng.

+ *Giá trị vận hành*: giảm chi phí thông qua tối ưu hóa dòng vật chất, tái sử dụng linh kiện và vật liệu, đồng thời giảm áp lực về tồn kho và vận chuyển.

+ *Giá trị chiến lược*: tạo ra cơ hội kinh doanh mới từ các sản phẩm tái chế, tăng cường trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Như vậy, logistics ngược vừa là kết quả của các tác động từ thể chế, nguồn lực và công nghệ, vừa là phương tiện để doanh nghiệp đạt được hiệu quả kinh tế bền vững.

3.6. Mô hình lý thuyết đề xuất

Dựa trên cơ sở phân tích trên, mô hình lý thuyết của nghiên cứu được xây dựng gồm 5 nhóm yếu tố chính: (1) yếu tố thể chế, (2) cam kết nguồn lực, (3) năng lực công nghệ, (4) logistics ngược, và (5) hiệu quả kinh tế. Trong đó, 3 yếu tố đầu được xem là nguyên nhân tác động trực tiếp đến mức độ triển khai logistics ngược, và thông qua đó ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Logistics ngược đóng vai trò biến trung gian trong mối quan hệ này.

Mối quan hệ giữa các yếu tố được thể hiện qua chuỗi tác động nhân - quả:

Áp lực thể chế → Triển khai logistics ngược → Hiệu quả kinh tế

Cam kết nguồn lực → Triển khai logistics ngược → Hiệu quả kinh tế

Năng lực công nghệ → Triển khai logistics ngược → Hiệu quả kinh tế.

Mô hình này cho thấy hiệu quả kinh tế không chỉ phụ thuộc vào đầu tư tài chính hay trình độ công nghệ, mà còn phụ thuộc vào khả năng doanh nghiệp chuyển hóa các yếu tố đó thông qua hoạt động logistics ngược.

3.7. Đóng góp và hướng phát triển mô hình

Mô hình lý thuyết được đề xuất mang 3 điểm mới cơ bản:

Thứ nhất, tích hợp 3 nền tảng lý thuyết độc lập thành một khung phân tích thống nhất, giúp lý giải đầy đủ mối quan hệ giữa thể chế, nguồn lực, công nghệ và hiệu quả kinh tế.

Thứ hai, xác định logistics ngược là biến trung

gian chiến lược, đóng vai trò chuyển hóa các áp lực và năng lực thành giá trị kinh tế, thay vì chỉ là hoạt động hỗ trợ hay nghĩa vụ pháp lý.

Thứ ba, mô hình tạo cơ sở cho các nghiên cứu định lượng tiếp theo nhằm kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố này trong các bối cảnh khác nhau, không chỉ trong lĩnh vực hàng tiêu dùng mà còn ở các ngành công nghiệp khác như điện tử, dược phẩm, hay vật liệu bao bì.

Ngoài ra, mô hình có thể được mở rộng theo hướng bổ sung các biến mới như vai trò của lãnh đạo doanh nghiệp, mức độ chuyển đổi số, hoặc hợp tác chuỗi cung ứng xanh để tăng tính bao quát và khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

4. Các giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý luận đã trình bày, nghiên cứu này xây dựng 7 giả thuyết chính phản ánh mối quan hệ nhân - quả giữa các yếu tố thể chế, nguồn lực, công nghệ, logistics ngược và hiệu quả kinh tế. Mỗi giả thuyết được phát triển từ nền tảng lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm trong các nghiên cứu trước, đồng thời được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp Việt Nam.

4.1. Tác động của yếu tố thể chế đối với logistics ngược

Yếu tố thể chế đóng vai trò là động lực bên ngoài thúc đẩy doanh nghiệp thay đổi hành vi. Các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, tiêu chuẩn xanh, và sức ép từ khách hàng tạo ra áp lực buộc doanh nghiệp phải hình thành hệ thống logistics ngược. Các nghiên cứu của DiMaggio & Powell (1983), Scott (2008) và Govindan et al. (2015) đều khẳng định, môi trường thể chế chặt chẽ sẽ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và tổ chức logistics ngược một cách chủ động. Do đó, có thể hình thành giả thuyết:

H1: Áp lực thể chế có tác động tích cực đến việc triển khai logistics ngược trong doanh nghiệp.

4.2. Tác động của cam kết nguồn lực đối với logistics ngược

Nguồn lực nội tại phản ánh năng lực tài chính, con người và tri thức - những yếu tố quyết định khả

năng vận hành logistics ngược. Khi doanh nghiệp cam kết phân bổ nguồn lực cho hoạt động thu hồi, phân loại, tái chế và xử lý sản phẩm, logistics ngược sẽ được triển khai ổn định và hiệu quả hơn. Theo lý thuyết nguồn lực, sự cam kết này thể hiện định hướng chiến lược và năng lực dài hạn của tổ chức. Nghiên cứu của Srivastava & Srivastava (2006) chỉ ra các doanh nghiệp có đầu tư đáng kể vào hạ tầng logistics ngược thường đạt hiệu quả vận hành cao hơn và giảm đáng kể chi phí sản xuất.

H2: Cam kết nguồn lực có tác động tích cực đến việc triển khai logistics ngược trong doanh nghiệp.

4.3. Tác động của năng lực công nghệ đối với logistics ngược

Công nghệ là yếu tố thúc đẩy năng suất và hiệu quả trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là logistics. Trong logistics ngược, công nghệ giúp doanh nghiệp thu thập dữ liệu, dự báo dòng vật chất, quản lý thông tin và kết nối các đối tác trong chuỗi cung ứng. Ứng dụng các công nghệ như mã nhận dạng tự động, hệ thống định vị, dữ liệu lớn hay trí tuệ nhân tạo giúp tăng tốc độ và độ chính xác của quy trình thu hồi - tái chế. Khi năng lực công nghệ được phát triển, doanh nghiệp có thể vận hành logistics ngược theo hướng chủ động, tiết kiệm chi phí và gia tăng lợi nhuận.

H3: Năng lực công nghệ có tác động tích cực đến việc triển khai logistics ngược.

4.4. Tác động của logistics ngược đến hiệu quả kinh tế

Logistics ngược không chỉ mang ý nghĩa tuân thủ pháp luật mà còn giúp doanh nghiệp khai thác giá trị kinh tế từ sản phẩm sau tiêu dùng. Việc thu hồi và tái chế hiệu quả giúp giảm chi phí sản xuất, tối ưu hóa tồn kho, giảm chi phí vận chuyển và nâng cao giá trị thương hiệu. Đồng thời, logistics ngược cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp xây dựng hình ảnh “thân thiện môi trường”, qua đó thu hút khách hàng và đối tác. Các nghiên cứu của Jack et al. (2010) và Richey et al. (2005) đã chứng minh mối quan hệ thuận chiều giữa hiệu quả logistics ngược và kết quả tài chính.

H4: Logistics ngược có tác động tích cực đến hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

4.5. Vai trò trung gian của logistics ngược

Logistics ngược không chỉ chịu ảnh hưởng của các yếu tố thể chế, nguồn lực và công nghệ, mà còn là cầu nối chuyển hóa những tác động này thành hiệu quả kinh tế. Doanh nghiệp chỉ có thể biến áp lực tuân thủ thành giá trị kinh tế nếu logistics ngược được tổ chức bài bản, ứng dụng công nghệ và hỗ trợ bởi nguồn lực đủ mạnh. Khi logistics ngược được vận hành tốt, tác động tích cực của thể chế, nguồn lực và công nghệ đến hiệu quả kinh tế sẽ được khuếch đại đáng kể.

H5: Logistics ngược đóng vai trò trung gian giữa áp lực thể chế và hiệu quả kinh tế.

H6: Logistics ngược đóng vai trò trung gian giữa cam kết nguồn lực và hiệu quả kinh tế.

H7: Logistics ngược đóng vai trò trung gian giữa năng lực công nghệ và hiệu quả kinh tế.

5. Hàm ý học thuật và thực tiễn

5.1. Hàm ý học thuật

Về phương diện học thuật, nghiên cứu này mang lại 3 đóng góp chính. Đó là:

Thứ nhất, bài viết mở rộng ứng dụng của lý thuyết thể chế và lý thuyết nguồn lực trong bối cảnh logistics ngược - một chủ đề vẫn còn hạn chế trong các nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển. Việc tích hợp 3 nền tảng lý thuyết (thể chế, nguồn lực, phát triển bền vững) tạo nên một khung phân tích toàn diện, giúp lý giải mối quan hệ giữa các yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Thứ hai, nghiên cứu khẳng định vai trò trung gian chiến lược của logistics ngược. Trong nhiều công trình trước đây, logistics ngược chỉ được xem như một hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, song bài viết này chỉ ra cơ chế trung gian chuyển hóa áp lực thể chế và năng lực nội tại thành hiệu quả kinh tế - một đóng góp quan trọng cho hướng tiếp cận tích hợp giữa quản trị và phát triển bền vững.

Thứ ba, mô hình lý thuyết được đề xuất là nền tảng để phát triển các nghiên cứu định lượng trong tương lai. Mô hình có thể được kiểm định thông qua phân tích cấu trúc tuyến tính nhằm đo lường mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố. Điều này giúp hoàn thiện khung lý thuyết về logistics ngược,

đồng thời mở ra hướng tiếp cận mới cho nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng và kinh tế tuần hoàn.

5.2. Hàm ý thực tiễn

Bên cạnh ý nghĩa lý luận, nghiên cứu này còn mang lại nhiều hàm ý thực tiễn đáng chú ý cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

Đối với doanh nghiệp, kết quả nghiên cứu cho thấy logistics ngược không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là cơ hội tạo giá trị kinh tế. Doanh nghiệp cần thay đổi nhận thức, xem logistics ngược là một phần trong chiến lược phát triển dài hạn. Việc đầu tư vào công nghệ thông tin, hệ thống quản lý dòng vật chất và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên trách logistics sẽ giúp nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, việc hợp tác với các tổ chức tái chế, nhà cung cấp dịch vụ vận tải và chính quyền địa phương sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng mạng lưới logistics ngược bền vững hơn.

Đối với Nhà nước, cần hoàn thiện khung pháp lý về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất theo hướng đồng bộ, minh bạch và khả thi hơn. Chính phủ có thể ban hành cơ chế ưu đãi thuế, hỗ trợ tín dụng xanh hoặc giảm lệ phí môi trường cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tái chế. Bên cạnh đó, cần thúc đẩy hình thành các trung tâm logistics xanh vùng, đóng vai trò hạ tầng dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa - nhóm hiện gặp nhiều khó khăn khi triển khai logistics ngược độc lập.

Đối với cộng đồng và người tiêu dùng, nghiên cứu góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của việc thu hồi và tái chế sản phẩm sau tiêu dùng. Khi người tiêu dùng tích cực tham gia vào quá trình logistics ngược, doanh nghiệp sẽ dễ dàng thu hồi sản phẩm hơn, từ đó giảm thiểu ô nhiễm và đóng góp cho nền kinh tế tuần hoàn.

5.3. Hướng mở rộng ứng dụng

Mô hình lý thuyết đề xuất có thể được áp dụng không chỉ trong ngành hàng tiêu dùng mà còn trong các lĩnh vực khác như điện tử, dược phẩm, hay vật liệu xây dựng. Mỗi ngành có đặc thù riêng về vòng đời sản phẩm, chi phí thu hồi và yêu cầu công nghệ,

nên việc kiểm định mô hình trong nhiều bối cảnh khác nhau sẽ giúp nâng cao tính tổng quát và ứng dụng của lý thuyết.

6. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

6.1. Kết luận

Bài viết đã phát triển một mô hình lý thuyết tích hợp nhằm giải thích cơ chế tác động giữa yếu tố thể chế, nguồn lực, năng lực công nghệ và hiệu quả kinh tế thông qua logistics ngược trong doanh nghiệp hàng tiêu dùng Việt Nam. Mô hình nhấn mạnh logistics ngược không chỉ là công cụ tuân thủ chính sách môi trường, mà còn là đòn bẩy giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí, tạo dựng thương hiệu và đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- (1) Áp lực thể chế là động lực khởi phát, buộc doanh nghiệp phải hình thành logistics ngược;
- (2) Nguồn lực và công nghệ là nền tảng để đảm bảo logistics ngược vận hành hiệu quả;
- (3) Logistics ngược là cơ chế trung gian chuyển hóa các áp lực và năng lực thành hiệu quả kinh tế thực chất.

Từ đó, mô hình đề xuất mang ý nghĩa quan trọng trong việc hướng dẫn các nhà nghiên cứu và nhà quản lý nhận diện, đo lường và cải thiện hiệu quả hoạt động logistics ngược tại Việt Nam.

6.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Thứ nhất, các nghiên cứu tiếp theo có thể kiểm định mô hình lý thuyết bằng dữ liệu định lượng từ các doanh nghiệp Việt Nam, sử dụng các phương pháp như phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Việc kiểm định này sẽ giúp xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố và kiểm tra tính phù hợp của mô hình.

Thứ hai, có thể mở rộng mô hình bằng cách bổ sung các yếu tố như lãnh đạo xanh, chính sách đổi mới sáng tạo, hoặc hợp tác chuỗi cung ứng, để phân tích sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến logistics ngược trong điều kiện chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn.

Thứ ba, nghiên cứu so sánh giữa các ngành khác nhau (hàng tiêu dùng, điện tử, dược phẩm, thực phẩm) hoặc giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có thể giúp xác định sự khác biệt trong cách doanh nghiệp ứng phó với áp lực thể chế và mức độ khai thác nguồn lực - công nghệ.

Cuối cùng, các nghiên cứu định tính có thể được thực hiện nhằm tìm hiểu rào cản và động lực nội tại của doanh nghiệp khi triển khai logistics ngược. Cách tiếp cận này giúp làm rõ các yếu tố phi định lượng, chẳng hạn như văn hóa tổ chức, tư duy quản trị hoặc nhận thức về lợi ích dài hạn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2020). Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2020. Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ. Hà Nội.
- Barney J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120.
- DiMaggio P. J., & Powell W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. *American Sociological Review*, 48(2), 147-160.
- Govindan K., Soleimani H., & Kannan D. (2015). Reverse logistics and closed-loop supply chain: A comprehensive review. *Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review*, 77, 177-195.
- Jack E. P., Powers T. L., & Skinner L. (2010). Reverse logistics capabilities: Antecedents and cost savings. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, 40(3), 228-246.
- Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD) (2021). *Extended Producer Responsibility: A guidance manual for governments*. Paris: OECD Publishing.

Richey R. G., Genchev S. E., & Gabler C. B. (2005). The role of reverse logistics in the global supply chain. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, 35(3), 233-257.

Scott W. R. (2008). *Institutions and organizations: Ideas and interests*. Sage Publications.

Srivastava S. K., & Srivastava R. K. (2006). Managing product returns for reverse logistics. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, 36(7), 524-546.

United Nations (2020). *Sustainable Development Goals Report 2020*. New York: United Nations Publications.

Ngày nhận bài: 18/8/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/8/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/9/2025

LINKING INSTITUTIONAL, RESOURCE, AND TECHNOLOGICAL FACTORS TO ECONOMIC EFFICIENCY: A THEORETICAL MODEL OF REVERSE LOGISTICS IN VIETNAMESE CONSUMER GOODS ENTERPRISES

● **DOAN NGOC BAO TRAM¹**

● **HO THI THU HOA²**

¹Ho Chi Minh City University of Technology

²Ho Chi Minh City International University,
Vietnam National University - Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

This study proposes an integrated theoretical model that explains how institutional factors, organizational resources, and technological capabilities influence economic outcomes through the mediating role of reverse logistics in consumer goods enterprises. Grounded in three foundational theoretical perspectives including Institutional Theory, the Resource-Based View (RBV), and Sustainability Theory, the study develops a comprehensive analytical framework that illustrates the transformation of external pressures and internal strengths into economic performance via the adoption and implementation of reverse logistics practices. The proposed model provides a robust foundation for future empirical research and offers important managerial implications for Vietnamese enterprises in designing sustainable logistics strategies, improving economic efficiency, and strengthening compliance with environmental regulations.

Keywords: reverse logistics, institutional theory, resource-based view, technological capability, economic performance.